



NHÓM CHỨNG CHỈ CAO SU LINH HƯƠNG

BAO CAO ĐÁNH GIÁ RỦI RO MÔI TRƯỜNG – XÃ HỘI KHI SỬ DỤNG HOÁ CHẤT BVTV (ESRA)

Mục đích:

Giúp Ban Quản lý Nhóm Chứng chỉ cao su Linh Hương và các thành viên nhận diện được các nguy cơ từ việc sử dụng các loại hoá chất, thuốc BVTV đến môi trường-xã hội. Từ đó đánh giá rủi ro của việc sử dụng các loại hoá chất , BVTV đó.

- Đề xuất các giải pháp giảm thiểu tác động của việc sử dụng hoá chất BVTV đến môi trường – xã hội

2. Phạm vi:

Áp dụng cho toàn bộ các thành viên Nhóm Chứng chỉ cao su Linh hương

3. Các loại hoá chất BVT được sử dụng phổ biến:

TT	Hoạt chất BVTV	Trị bệnh hại	Liều lượng	Tần suất sử dụng	Thuộc danh mục	
					HHP của FSC-POL-30-001a	DM bị cấm sử dụng tại VN tại TT 25/2024/TT-BNNPTNT và TT 03/2025 sửa đổi, bổ sung.
1	Hexaconazole 0,5%	Bệnh Phấn trắng	Phun thuốc phủ đều chồi và lá non khi có 15% cây có lá non nhú chân chim trên vườn và ngừng phun khi 80% cây có lá ổn định	8-10 ngày/lần vào lúc trời mát	-	-
		Bệnh héo đen đầu lá	phun thuốc lần đầu khi có 15 - 20% số cây ra lá non giai đoạn nhú chân chim, phun thuốc	kỳ 7 - 10 ngày/lần vào buổi sáng lúc trời mát		

			trên chồi lá non. Ngừng phun khi 80% cây có tầng lá ổn định.			
		Bệnh do nấm Corynespora	phun ướt toàn bộ lá, chồi non, lưu ý phun mặt dưới lá	phun 2 – 3 lần với chu kỳ 7 – 10 ngày/lần		
2	Hexaconazole 0,015% - 0,025% (vườn KTCB) và 0,025% (vườn kinh doanh)	Bệnh do nấm Botryodiplodia	Phun phủ kín vết bệnh. Chú ý phun kỹ độ cao 0 - 3 m từ chân voi	Xử lý 2 - 3 lần với chu kỳ 10 - 15 ngày/lần	-	-
3	Metalaxyl 0,07% (vườn KTCB) và 0,35% (vườn kinh doanh)	Bệnh rụng lá mùa mưa	Khi bệnh xuất hiện thì bôi thuốc metalaxyl	Khi xuất hiện bệnh	-	-
4	Mancozeb (Mexyl 72WP) 2%	Bệnh loét sọc mặt cào	Bôi phòng định kỳ 1 lần/tháng vào mùa mưa dầm ở khu vực có nguy cơ bị bệnh cao, giống mẫn cảm hoặc khi vườn cây bị rụng lá mùa mưa	chu kỳ 10 ngày/lần cho đến khi hết bệnh.	Bị hạn chế sử dụng ID 126	-
5	Validamycine (Validacin 5SL, Vivadamy 5SL...),	Bệnh nấm hồng	Phun ướt đều phủ kín từ phía trên vết bệnh 20 cm xuống dưới vết bệnh 10 cm	10-14 ngày/ lần	-	-

	hexaconazole (Anvil 5SC, Hexin 5SC...)					
6	Glufosinate Ammonium 200g/l	Trừ cỏ dại	Phun khu vực cỏ nhiều	Khi cỏ xuất hiện nhiều	Bị hạn chế sử dụng ID 104	-

4. Khung đánh giá

Các tác động	Yếu tố	Các nhóm nguy hiểm các loại nguy cơ									Có phải là rủi ro hay không? Mô tả	Chiến lược giảm thiểu
		Độc tính cấp tính		Độc tính mãn tính				Độc tính môi trường				
		Độc khi tiếp xúc hoặc nuốt vào	Độc khi hít phải	Khả năng gây ung thư	Gây đột biến thành động vật có vú	Phát triển và sinh sản độc tính	Nội tiết gián đoạn	Độc tính cấp tính đối với SV dưới nước	Tính bền trong đất và nước	Sự đồng nhất-tích lũy sinh học		
Môi trường	Đất (xói mòn, suy thoái, sinh vật, hấp thụ cacbon)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	RỦI RO THẤP Vi các hệ thành viên dùng theo đúng liều lượng được đưa ra ở mục HDSD	Sử dụng thuốc theo đúng liều lượng, thời gian cách ly và các hướng dẫn sử dụng đặc thù của từng loại.
	Nước (nước ngầm, nước mặt, nguồn cung cấp nước)	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
	Không khí (chất lượng không khí, khí nhà kính)	-	-	-	-	-	-	-	-	-		

	Các loài phi mục đích (thảm TV, ĐV hoang dã, ong và các loài thụ phấn, vật nuôi)	X	-	-	-	-	-	-	-	-	của nhà sản xuất. Đồng thời Nhóm ban hành quy trình kỹ thuật sử dụng hoá chất BVTV để đảm bảo khâu sử dụng, bảo quản đảm bảo an toàn cho sức khoẻ của người lao động cũng như môi trường và ĐDSH	
	LSNG	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
	Giá trị bảo tồn cao (đặc biệt HCV 1-4)	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
	Cảnh quan	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
	Dịch vụ HST (nước, đất, lưu trữ cacbon, du lịch)	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
Xã hội	Giá trị bảo tồn cao (đặc biệt HCV 5-6)	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
	Sức khoẻ (khả năng sinh sản, hô hấp, các vấn đề về da liễu, thần kinh, tiêu hoá, ung thư và mất cân bằng nội tiết tố)	X	-	-	-	-	-	-	-	-	-Sử dụng bảo hộ lao động khi sử dụng hoá chất BVTV theo Quy trình về sử dụng đồ BHLĐ - QT12, Sổ tay QLN 2025 -Tập huấn định kỳ về ATLD trong sử dụng và bảo quản thuốc BVTV	

	Phúc lợi	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
	Thực phẩm và nước	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
	Cơ sở hạ tầng xã hội (trường học, bệnh viện, cơ sở giải trí, khu vực tiếp giáp rừng của Nhóm)	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
	Kinh tế (nông nghiệp, chăn nuôi, du lịch...)	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
	Quyền (theo pháp luật và theo phong tục)	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
	Khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-		

Bình Tân, Ngày 15 tháng 09 năm 2026

Người lập


Đỗ Thị Hồng Hà